

ĐIỂN DẠNG MÀU “ĐEN” TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT TỪ NGỮ LIỆU MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC ANH VÀ VIỆT

NGUYỄN ĐÔNG PHƯƠNG TIÊN *

Tóm tắt: Bài viết so sánh, đối chiếu điển dạng màu “black” trong tiếng Anh và màu “đen” tiếng Việt từ quan điểm ngữ nghĩa - tri nhận. Phương pháp đối chiếu phân tích điều tra và miêu tả điển dạng màu “đen” trong tiếng Anh và tiếng Việt. Điển dạng màu *black* của người Anh là *night* và điển dạng màu *đen* của người Việt Nam là *than*. Kết quả này có thể giúp người học tiếng Anh và tiếng Việt sử dụng ý nghĩa màu “black/đen” hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày.

Từ khóa: Điển dạng màu “đen” trong tiếng Anh, điển dạng màu “đen” trong tiếng Việt, tri nhận, văn hóa.

Abstract: This study is a comparison and contrast between the prototype of *black* color term in English and that of *đen* color term in Vietnamese from a semantic - cognitive perspective. The descriptive - contrastive analysis method is to investigate and to describe the prototypes of these two color terms. The findings show that the prototype of *black* color term in English is *night* object referent whereas that of *đen* color term in Vietnamese is *than* object referent. Hopefully, the results of the study can help the English and Vietnamese learners use these prototypes of these two color terms effectively in daily conversation.

Keywords: Prototype of *black* term color in English; prototype of *đen* color term in Vietnamese, cognition, culture.

1. Giới thiệu

Đến nay chưa có nghiên cứu về điển dạng

“black” trong tiếng Anh và màu “đen” tương đương trong tiếng Việt, nghiên cứu này tập trung khảo sát kết hợp của màu “black/đen” từ ngữ liệu một số tác phẩm văn học Anh và Việt nhằm lý giải điển dạng màu “đen” trong tiếng Anh và tiếng Việt, nguyên nhân tạo nên điểm tương đồng và khác biệt về điển dạng màu “black/đen” hai hệ thống tri nhận và hai nền văn hóa.

2. Cơ sở lý luận

Với nền tảng là lý thuyết điển dạng giúp xác định điển dạng màu “black/đen” của tiếng Anh và tiếng Việt, nghiên cứu này đồng thời áp dụng quan niệm về tri nhận và văn hóa phục vụ nhiệm vụ lý giải những điển dạng ở trên nhằm giới thiệu điểm khác biệt giữa hai hệ thống ngôn ngữ này.

2.1. Tri nhận, một quá trình mang tính chất vật chất và văn hóa - xã hội, phải được nghiên cứu trong mối liên quan tương hỗ giữa con người và môi trường với mục đích tri nhận thế giới bên ngoài với sự tập trung vào yếu tố ngôn ngữ thông qua quá trình tri nhận. Từ vai trò phản ánh tính đặc trưng của những cá thể con người trong một cộng đồng, những điển dạng này đại diện cho những điểm tương đồng và khác biệt giữa hệ thống ngôn ngữ, văn hóa Anh - Việt.

* ThS - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh; email: phuongtien812004@yahoo.com

2.2. Lý thuyết điển dạng (Prototype theory): Với những thay đổi một cách cơ bản từ năm 1950 với nghiên cứu của L. Wittgenstein và đến thập niên 1970 của thế kỷ 20, lý thuyết điển dạng phát triển mạnh mẽ. Eleanor Rosch đầu tiên giới thiệu thuật ngữ “điển dạng” là “thành viên trung tâm nhất” của một phạm trù; cụ thể, điển dạng là những thành viên điển hình của một phạm trù, làm chuẩn cho những điển dạng xung quanh nó, ngoại biên hay kém điển hình hơn (Rosch, 1977). Lakoff (1987) thảo luận về trường hợp các thành viên điển mẫu và các thành viên ngoại biên, về ranh giới mơ hồ của phạm trù, là nơi mà tính thành viên của phạm trù hầu như không thể dự đoán được và phụ thuộc chủ yếu vào bối cảnh và mục đích giao tiếp. Trong bài viết này, ý niệm “điển dạng”, được định nghĩa là thể hiện tính chất nổi trội nhất hoặc mang tính đại diện nhất, là đối tượng tốt nhất hoặc là đặc điểm trung tâm nhất so sánh với các thành viên khác trong một phạm trù, giúp phát triển khung nghiên cứu với đối tượng nghiên cứu là điển dạng màu “đen” trong tiếng Anh và tiếng Việt. Điển dạng màu “đen” trong tiếng Anh và tiếng Việt là đối tượng tốt nhất, nổi trội nhất liên quan đến màu “đen” với cứ liệu tổng hợp từ văn chương Anh và Việt.

2.3. Văn hóa “biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của cá nhân hay tộc người, khác các kiểu lựa chọn của các cá nhân hay các tộc người khác” [4, tr.16-17]. Thông qua kiến thức văn hóa, thông tin, mối tương quan giữa con người và thế giới xung quanh được bộc lộ theo chiều sâu nhờ vào các phương tiện ngôn ngữ; đặc biệt, nhiều khía cạnh ngôn ngữ được hình thành bởi tri nhận văn hóa và đã phổ biến ở giai đoạn sớm trong lịch sử phát triển cộng đồng ngôn ngữ. Những đặc điểm khác biệt trong lịch sử, địa lý, tôn giáo và văn hóa giúp hai hệ thống tiếng Anh và tiếng Việt được nhận thức với những đặc điểm độc đáo giữa

các điển dạng của từ “black/đen” nhằm giải thích chi tiết và rõ ràng hơn.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mục tiêu và đối tượng nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của bài viết này là điều tra điển dạng màu *black* trong tiếng Anh và điển dạng màu *đen* trong tiếng Việt với cứ liệu từ văn chương Anh và Việt, tập trung điều tra những điểm khác biệt và tương đồng giữa các điển dạng dựa trên sự giải thích từ quan điểm văn hóa và tri nhận, với 3 đối tượng sau: (i) Xác định điển dạng, phạm trù màu “black” trong tiếng Anh và màu “đen” trong tiếng Việt dựa vào lý thuyết điển dạng; (ii) So sánh điển dạng màu *black* trong tiếng Anh và điển dạng màu *đen* trong tiếng Việt; (iii) Giải thích đặc điểm các điển dạng này dựa vào đặc trưng văn hóa - tri nhận của người Anh và người Việt.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung vào các tác phẩm văn chương tiêu biểu thế kỷ 20 phê phán hiện thực xã hội đã áp dụng các thành ngữ so sánh chứa từ “black/đen” trong tác phẩm của các tác giả Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Khải, Vũ Bằng, Khải Hưng, Nguyễn Hồng, Nhật Linh, Tô Hoài, Nam Cao, Sơn Nam, Đoàn Giỏi, Vũ Trọng Phụng, Vũ Tuấn, Kim Lân, Thạch Lam, Harriet Elisabeth Beecher Stowe, Joseph Conrad, Gilbert Keith Chesterton, Charles Dickens, Joseph Rudyard Kipling, Jack London, Thomas Hardy.

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Hai phương pháp định lượng và định tính tương quan hỗ trợ hai chiều trong phân tích điển dạng: (i) Phương pháp định lượng, dựa vào công cụ SPSS (áp dụng cho phân tích số liệu liên quan đến cứ liệu số lần xuất hiện của các đối tượng đi cùng màu “đen”), cung cấp kết quả thống kê đáng tin cậy và xác thực; (ii) Phương pháp định tính miêu tả đối tượng liên quan cũng như giải thích các giá trị tri nhận

gắn liền tạo nên sự khác biệt giữa điển dạng màu *black* trong tiếng Anh và điển dạng màu *đen* trong tiếng Việt; (iii) Phương pháp so sánh - đối chiếu, một phương pháp đáng tin cậy giúp tìm kiếm đặc trưng giữa ngôn ngữ này với ngôn ngữ khác, được ứng dụng nhằm khám phá sự tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thống tri nhận liên quan đến điển dạng màu *black* trong tiếng Anh và điển dạng màu *đen* trong tiếng Việt.

3.4. Quy trình nghiên cứu

Bước 1: điều tra tất cả dữ liệu thu thập từ tác phẩm văn chương, từ điển so sánh Anh và Việt, mục tiêu là ngữ cứ liệu với cấu trúc "*as + black + as/like + đối tượng chuẩn so sánh*" trong tiếng Anh hay "*đen + như tựa - đối tượng chuẩn so sánh*" từ ngữ liệu tiếng Việt; Bước 2: tổng hợp mức độ xuất hiện của các đối tượng đi cùng màu "đen" bằng công cụ SPSS; Bước 3: kết quả miêu tả, phân loại và tổng hợp dẫn đến giá trị tri nhận liên quan màu "đen" trong hệ thống Anh và Việt. Phân tích giá trị ngữ nghĩa và dụng học làm nổi bật giá trị biểu cảm và những giá trị ứng dụng khác trong thực tế dựa vào quan điểm văn hóa khác nhau; Bước 4: khám phá điểm giống nhau và khác biệt giữa hai hệ thống tri nhận Anh - Việt liên quan đến màu "black/đen" cũng như lý giải những lý do tạo nên điểm khác biệt và tương đồng giữa hai hệ thống tri nhận.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả dữ liệu

4.1.1. Cứ liệu Anh ngữ

53 ví dụ từ cứ liệu tiếng Anh giới thiệu danh sách 37 đối tượng so sánh chuẩn như sau (Xem bảng 1):

Đối tượng so sánh chuẩn *night*, với tỉ lệ % xuất hiện cao nhất, là điển dạng màu "black" từ cứ liệu Anh ngữ.

There did not seem any place in the world

STT	Đối tượng so sánh chuẩn	Tỉ lệ (%)
1	<i>night</i>	19.98
2	<i>sky</i>	18.16
3	<i>soul</i>	10.70
4	<i>an African</i>	8.51
5	<i>it is painted</i>	0.33
6	<i>death</i>	6.11
7	<i>chin</i>	4.52
8	<i>ink</i>	4.16
9	<i>slate</i>	3.29
10	<i>sloe</i>	2.60
11	<i>boots</i>	2.53
12	<i>chocolate</i>	2.29
13	<i>thunder</i>	2.10
14	<i>insect</i>	1.65
15	<i>tar</i>	1.42
16	<i>midnight clouds</i>	1.33
17	<i>hell</i>	1.27
18	<i>Cole</i>	1.24
19	<i>Solomon Islanders</i>	1.05
20	<i>jet</i>	0.01
21	<i>ebony</i>	0.90
22	<i>pitch</i>	0.84
23	<i>devil</i>	0.80
24	<i>midnight</i>	0.65
25	<i>coal</i>	0.59
26	<i>soot</i>	0.05
27	<i>crow</i>	0.34
28	<i>cavern</i>	0.21
29	<i>stack of black cats</i>	0.18
30	<i>mangroves</i>	0.09
31	<i>ace of spade</i>	0.03
32	<i>stroke of a funeral bell</i>	0.03
33	<i>Feudalism</i>	0.01
34	<i>history</i>	0.004
35	<i>plumes upon a hearse</i>	0.003
36	<i>coal-heaver</i>	0.0007
37	<i>Tophet</i>	0.0004

Bảng 1. Đối tượng so sánh chuẩn của màu "black" từ cứ liệu Anh ngữ

for the innocent Gaspar Ruiz anywhere. And at this thought his simple soul surrendered itself to gloom and resentment as **black as night**. (Joseph Conrad - *Gaspar Ruiz* - p.24).

37 đối tượng so sánh chuẩn này được phân chia thành 06 phạm trù như sau: Thực vật (*sloe, jet, ebony, mangrove*); Động vật (*insect, crow, cat, plume*); Vô tri vô giác (*night, midnight, sky, thunder, midnight cloud, cvernis*); Thực phẩm (*chocolate*). Nhân tạo (*pitch, tar, coal, soot, ink, slate, boots, ace of spade, funeral bell, Feudalism, history*); Thuộc về con người và cơ thể con người (*soul, death, hell, devil, chin, Cole, Tophet, an African, Solomon Islanders, coal-heaver*). Mỗi phạm trù được chia thành các phân nhóm (Xem bảng 2).

- Phạm trù thực vật (Đối tượng so sánh chuẩn *Sloe* nổi trội nhất) gồm: nhóm cây (*ebony, mangrove*); nhóm hạt (*jet*) và nhóm trái cây (*sloe*).

Scraped out of deserted rock-hives -- honey black as a sloe, and dusty with dried sugar. (R. Kipling - *The Second Jungle Book* p.05)

- Phạm trù động vật (đối tượng *insect* nổi trội nhất) bao gồm: nhóm côn trùng (*insect*), nhóm chim (*crow*), nhóm động vật có vú (*cat*) và nhóm cơ quan động vật (*plume*).

It was while we were all ashore on the islet that a steamer was picked up by the telescope, a black speck like an insect posed on the hard edge of the offing. (Joseph Conrad - *Some Reminiscense* - p.93)

- Phạm trù vô tri vô giác (đối tượng *night* nổi trội nhất) gồm nhóm: nhóm môi trường (*night, sky, thunder, midnight clouds*).

Your Heart Is As Black As Night chords (<https://tabs.ultimate-guitar.com/tab/melody-gardot/your-heart-is-as-black-as-night-chords-1133996>).

- Nhóm thực phẩm (đối tượng nổi trội nhất

là *chocolate*) bao gồm nhóm kẹo (*chocolate*).

Black as chocolate (<http://www.flaskml.com/works/black-as-chocolate/>)

- Phạm trù nhân tạo (đối tượng so sánh chuẩn nổi trội nhất là *ink*) gồm vật liệu xây dựng (*pitch, tar, slate*); nhóm tạo tác (*coal, ink*); nhóm trang phục (*boots*); nhóm giải trí (*ace of spade*), nhóm lễ nghi xã hội (*funeral bell*) và nhóm trừu tượng (*Feudalism, history*).

as black as ink in a sentence (<https://eng.ichacha.net/zaoju/as%20black%20as%20ink.html>).

- Phạm trù con người và thuộc về con người (đối tượng nổi trội nhất là *an African*) bao gồm nhóm thuộc về con người (*soul, death, chin*); nhóm đối tượng tương tượng (*hell, devil, Tophet*) và nhóm loại người (*Cole, an African, Solomon Islanders, coal-heaver*).

Why are the big aggressive features, such as blackness or the Celtic wrath, always left out in such official communications, as they were left out in the photograph? My friend the poet had hair as black as an African and eyes as fierce as an Irishman; why does our civilization drop all four of the facts? Its error is to omit the arresting thing & dash, which might really arrest the criminal. (G. K. Chesterton - *A Miscellany of men* - p.149).

4.1.2. Cú liệu Việt ngữ

75 ví dụ chứa từ “đen” giới thiệu 35 đối tượng so sánh chuẩn như sau (Xem bảng 3).

Đối tượng so sánh chuẩn *than*, với tỉ lệ % lớn nhất, là điển dạng của màu “đen” từ cú liệu Việt ngữ.

Những xác chết và những thân thể trần trụi, đen như than còn thoi thóp ở tỳ bụng hơi hóp dính trên mặt đất (Nguyễn Hồng - *Lừa thiêu* - tr.209).

35 chuẩn so sánh này được phân chia thành 05 phạm trù như sau: Thực vật (*hạt na, tam thất, củ tam thất, hạt nhân, củ sấm, củ sùng,*

TT	Đối tượng so sánh chuẩn	Ti lệ%
1	<i>than</i>	28,64
2	<i>tượng đồng</i>	22,59
3	<i>huyền</i>	5,69
4	<i>cửa đẽ lao</i>	5,55
5	<i>nước rừng</i>	4,80
6	<i>mực</i>	3,93
7	<i>mun</i>	3,51
8	<i>cục đất thó</i>	2,96
9	<i>hạt na</i>	2,50
10	<i>quy</i>	2,06
11	<i>nước công</i>	1,94
12	<i>tam thất</i>	1,56
13	<i>cỏ trâu</i>	1,48
14	<i>ông Sét</i>	1,40
15	<i>hạt nhân</i>	1,36
16	<i>sừng</i>	1,34
17	<i>củ tam thất</i>	1,31
18	<i>mực tàu</i>	1,22
19	<i>củ sâm</i>	1,04
20	<i>lòng chảo</i>	0,87
21	<i>cột nhà cháy</i>	0,71
22	<i>đồng hun</i>	0,57
23	<i>thăng quý</i>	0,54
24	<i>đàn ruồi</i>	0,52
25	<i>củ sừng</i>	0,48
26	<i>nhọ</i>	0,41
27	<i>quạ</i>	0,31
28	<i>cuốc</i>	0,28
29	<i>sừng trâu</i>	0,15
30	<i>mỡm chó</i>	0,10
31	<i>nhọ nôi</i>	0,07
32	<i>bỏ hồng</i>	0,06
33	<i>nhọ chảo</i>	0,02
34	<i>hắc ín</i>	0,02
35	<i>lốt hùm</i>	0,01

Bảng 3. 35 đối tượng so sánh chuẩn của màu "đen" từ cứ liệu Việt ngữ

mun); Động vật (*cỏ trâu, sừng, đàn ruồi, quạ, cuốc, sừng trâu, mỡm chó, lốt hùm*): Vô tri vô giác (*than, huyền, nước rừng, cục đất thó, nước công, đồng hun, nhọ, nhọ nôi, nhọ chảo, hắc ín, bỏ hồng, lòng chảo*); Nhân tạo (*mực, mực tàu, cửa đẽ lao, lòng chảo, cột nhà cháy*); Thuộc về người (*quy, ông Sét, thăng quý*).

05 phạm trù này được chia thành các nhóm (Xem bảng 4):

- Phạm trù thực vật (*mun* là đối tượng so sánh chuẩn nổi bật nhất) gồm các nhóm: trái cây (*củ sâm, củ sừng, tam thất, củ tam thất, hạt na, hạt nhân*) và nhóm cây (*mun*).

Giống hệt như mẹ, cũng da trắng môi hồng, cũng tóc đen như mun, cũng mắt đen lấy long lanh (Nguyễn Xuân Khánh - *Đội gạo lên chùa*, tr.498).

- Phạm trù động vật (*cỏ trâu* là đối tượng nổi trội nhất) gồm các nhóm sau: động vật nông nghiệp (*cỏ trâu, sừng, sừng trâu*), nhóm hoang dã (*lốt hùm*), nhóm truyền nhiễm (*đàn ruồi*), nhóm chim (*quạ, cuốc*) và nhóm thuần hóa (*mỡm chó*).

Những người thuê nhà có điều gì cần nói với ông, cứ việc nói với người đầy tớ của ông, một lão chột lực lưỡng, cục mịch, xấu xí, vai và lưng u lên, cổ to và đen ghê như cỏ trâu, chân đi bình bịch, cổ tay to và vuông, những ngón tay nôi cục, mặt nắc lên thành nhiều cái bướu nho nhỏ, cái mắt chột lúc nào cũng giương ra, cái con ngươi trắng đục kia. (Tuyển tập Nam Cao - *Truyện người hàng xóm* - tr. 219)

- Phạm trù vô tri vô giác (đối tượng *than* nổi trội nhất) gồm: nhóm tự nhiên (*nước rừng, cục đất thó, nước công*), nhóm đá quý (*huyền*), nhóm kim khí (*tượng đồng, đồng hun*), nhóm hợp chất hóa học (*than, hắc ín, nhọ, nhọ nôi, nhọ chảo, bỏ hồng*).

Tuyết đen như than phủ kín một vùng Siberia (from <https://infonet.vn/tuyet-den-nhu-than-phu-kin-mot-vung-siberia-post290659.info>)

TT	Phân loại phạm trù		Phân loại nhóm		
	Phạm trù	Tỉ lệ %	Nhóm	Đối tượng nổi trội	Tỉ lệ %
1	Thực vật	4.60	Trái cây	<i>sloe</i>	2,60
			Hạt	<i>jet</i>	1,01
			Cây trồng	<i>ebony</i>	0,90
				<i>mangrove</i>	0,09
2	Động vật	2,17	Côn trùng	<i>insect</i>	1,65
			Chim	<i>crow</i>	0,34
			ĐV có vú	<i>stack of a cat</i>	0,18
			Cơ quan động vật	<i>plume upon a hearse</i>	0,003
3	Vô tri vô giác	43,43	Môi trường	<i>night</i>	19,98
				<i>midnight</i>	1,65
				<i>sky</i>	18,16
				<i>thunder</i>	2,10
				<i>midnight clouds</i>	1,33
				<i>Cavern</i>	0,21
4	Thực phẩm	2,29	Kẹo	<i>chocolate</i>	2,29
5	Nhân tạo	13,28	Vật tạo tác	<i>ink</i>	4,16
				<i>coal</i>	0,59
				<i>soot</i>	0,05
			Vật liệu xây dựng	<i>it is painted</i>	0,33
				<i>pitch</i>	0,84
				<i>slate</i>	3,29
				<i>tar</i>	1,42
			Trang phục	<i>boots</i>	2,53
			Giải trí	<i>ace of spade</i>	0,03
			Lễ nghi	<i>stroke of funeral bell</i>	0,03
			Trừu tượng	<i>history</i>	0,0004
				<i>feudalism</i>	0,01
			6	Thuộc về con người và cơ thể con người	34,20
<i>Cole</i>	1,24				
<i>Solomon Islanders</i>	1,05				
<i>coal-heaver</i>	0,0007				
Thuộc về con người	<i>soul</i>	10,70			
	<i>death</i>	6,11			
	<i>chin</i>	4,52			
Đối tượng tương tượng	<i>hell</i>	1,27			
	<i>devil</i>	0,80			
	<i>Tophet</i>	0,0004			

Bảng 2. Phạm trù và phân nhóm của từ "black" từ cứ liệu tiếng Anh

STT	Phân nhóm phạm trù		Phân nhóm					
	Phạm trù	Tỉ lệ%	Nhóm	Đối tượng nổi bật	Tỉ lệ%			
1	Thực vật	11,76	Cây	<i>mun</i>	3,51			
				<i>củ sấm</i>	1,04			
				<i>củ súng</i>	0,48			
				<i>tam thất</i>	1,56			
				<i>củ tam thất</i>	1,31			
				<i>hạt na</i>	2,50			
				<i>hạt nhân</i>	1,36			
				2	Động vật	4,19	ĐV nông nghiệp	<i>cô trâu</i>
<i>sừng</i>	1,34							
<i>sừng trâu</i>	0,15							
ĐV hoang dã	<i>lốt hùm</i>	0,01						
ĐV truyền nhiễm	<i>đàn ruồi</i>	0,52						
Chim	<i>quạ</i>	0,31						
	<i>cuốc</i>	0,28						
ĐV thuần hóa	<i>mềm chó</i>	0,10						
3	Vô tri vô giác	67,77	Hợp chất hóa học				<i>than</i>	28,64
							<i>hắc ín</i>	0,02
				<i>nhọ</i>	0,41			
				<i>nhọ nổi</i>	0,07			
				<i>nhọ chảo</i>	0,02			
				<i>bỏ hồng</i>	0,06			
			Kim loại	<i>trọng đồng</i>	22,59			
				<i>đồng hùm</i>	0,57			
			Chất tự nhiên	<i>nước rừng</i>	4,80			
				<i>cục đất thỏ</i>	2,96			
				<i>nước công</i>	1,94			
			Đá quý	<i>huyền</i>	5,69			
			4	Do người sản xuất	12,28	Vật liệu xây dựng	<i>cửa để lao</i>	5,55
							<i>cột nhà cháy</i>	0,71
							<i>lông chao</i>	0,87
						Vật tạo tác	<i>mực</i>	3,93
<i>mực tàu</i>	1,22							
5	Thuộc về con người	4,00	Body classification	<i>quỷ</i>	2,06			
				<i>thằng quỷ</i>	0,54			
				<i>ông Sét</i>	1,40			

Bảng 4. Phạm trù và phân nhóm của màu "đen" từ từ vựng Việt ngữ

- Phạm trù nhân tạo (*cửa để lao* là đối tượng so sánh chuẩn nổi trội nhất) gồm: nhóm tạo tác (*mực, mực tàu*) và nhóm vật liệu xây dựng (*lòng chảo, cột nhà cháy, cửa để lao*).

Lán phu ở mà hai lần cửa sắt bung tôn kín, sơn đen như cửa để lao (Nguyễn Hồng Toàn Tập 3 - *Sóng gằm - Chương 11, tr.382*).

- Phạm trù thuộc về con người (đối tượng so sánh chuẩn quý nổi bật nhất) gồm nhóm hạng người (*quý, ông Sét, thằng quý*).

Đen như quý (Đỗ Thị Kim Liên, *Từ điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam trong hành chức*. Nxb. Khoa học Xã hội, 2015, tr.240).

4.2. Điển dạng màu *black* trong tiếng Anh và điển dạng màu *đen* trong tiếng Việt

Đối với trường hợp điển dạng “night” của thuật ngữ màu “black” trong tiếng Anh, về ý nghĩa tượng hình, thường liên quan đến nguy hiểm và xấu xa. Mặt khác, “night” (ban đêm) có liên quan tự nhiên với tiềm năng nguy hiểm cho sự sống còn của con người (tội phạm, động vật và các mối nguy hiểm tiềm tàng khác có thể được che giấu bởi bóng tối); do đó, người Saxon gọi bóng tối của màn đêm là “sương chết”. Đối với trường hợp điển dạng “than” của thuật ngữ “đen” trong tiếng Việt, *than* (than gỗ hoặc than củi) là một chất màu đen và rất nhẹ được làm từ gỗ thông qua quy trình khô gỗ (bằng cách tách nguyên tố carbon khỏi các thành phần khác, chủ yếu là oxy). Người dân miền núi Việt Nam sử dụng than để sưởi ấm mùa đông ở vùng núi lạnh, than được sử dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm, đặc biệt là các sản phẩm nướng. Người sống ở miền Nam thường sử dụng than từ cây rừng ngập mặn trong khi người miền Bắc sử dụng than củi.

Hai điển dạng này chứng minh rằng người Anh và người Việt tri nhận về thuật ngữ chỉ màu *black/đen* khác nhau. Hai cộng đồng, trong hệ thống ngôn ngữ với hai quan điểm tri

nhận và lý giải văn hóa khác nhau, chọn lựa hai đối tượng khác nhau biểu trưng *black/đen*, ảnh hưởng từ thói quen hàng ngày và hệ thống đánh giá đối với hai đối tượng cụ thể này. Cộng đồng người Anh và Việt định nghĩa thuật ngữ *black/đen* khác nhau và hai điển dạng đại diện hai hệ thống tri nhận tượng trưng bởi những đối tượng quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày vì tính quen thuộc và hình dung cao trong mỗi cộng đồng theo cách thức rõ ràng.

Nói cách khác, hai điển dạng này trở thành hai biểu tượng tồn tại của hai cộng đồng ngôn ngữ vì sự bao hàm hai nét đặc trưng văn hóa của hai đất nước Anh và Việt. Cảm nhận về màu sắc trong những dân tộc khác nhau phụ thuộc vào đặc điểm văn hóa của dân tộc đó: một cộng đồng ngôn ngữ hoặc một ngôn ngữ của một dân tộc thể hiện cách thức người bản địa cảm nhận, tri nhận, trải nghiệm và thể hiện cũng như là hành xử trong thế giới chung quanh này dựa vào những đặc tính mang tính dân tộc riêng biệt với mục đích hỗ trợ hệ thống ngôn ngữ thể hiện giá trị tốt nhất.

5. Kết luận

Nghiên cứu này giới thiệu 37 đối tượng so sánh chuẩn liên quan đến thuật ngữ chỉ màu *black* của người Anh với 06 phân nhóm cũng như 35 đối tượng so sánh chuẩn liên quan đến thuật ngữ chỉ màu *đen* của người Việt với 05 phân nhóm. *Night* là điển dạng của thuật ngữ *black* trong tiếng Anh trong khi *than* là điển dạng của thuật ngữ *đen* trong tiếng Việt.

Nghiên cứu này so sánh và đối chiếu hai điển dạng trên từ quan điểm ngữ nghĩa - tri nhận với mục đích hỗ trợ người học tiếng Anh và tiếng Việt sử dụng thuật ngữ chỉ màu *black/đen* chính xác và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hai điển dạng này chưa đủ để tổng kết về điển dạng 11 màu cơ bản trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt; vì vậy, ⇒ *Xem tiếp trang 93*